

Chương 3:

KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

MỤC TIÊU

- ❖ Hiểu và xác định đúng đối tượng HTK
- ❖ Trình bày thông tin về HTK trên BCTC
- ❖ Tính giá để ghi nhận HTK
- ❖ Kế toán HTK qua các khâu dự trữ, sản xuất và lưu thông
- ❖ Lập dự phòng giảm giá HTK

NỘI DUNG

- ❖ Những vấn đề chung
- ❖ Tính giá hàng tồn kho.
- ❖ Kế toán NVL và CCDC.
- ❖ Kế toán sản phẩm đang chế tạo và thành phẩm ở các DN sản xuất.
- ❖ Kế toán hàng hóa.
- ❖ Kế toán dự phòng giảm giá HTK.

A- NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Hàng tồn kho

VAS 02

Là những tài sản:

- Được **giữ để bán** trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường;
- Đang **trong quá trình sản xuất, kinh doanh dở dang**;
- Nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ để **sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh, hoặc cung cấp dịch vụ**.

**Hàng
Tồn kho**

```
graph TD; A[Hàng Tồn kho] --> B[Giữ để bán]; A --> C[Đang dở dang]; A --> D[Phục vụ SXKD];
```

**Giữ
để bán**

**Đang
dở dang**

**Phục vụ
SXKD**

Phân loại đối tượng kế toán vào nhóm đối tượng liên quan

| Đối tượng | Tiền | Phải thu | HTK | Khác |
|-----------------------------|------|----------|-----|------|
| Tiền gửi không kỳ hạn | | | | |
| Ứng trước người bán | | | | |
| Quần áo (DN kinh doanh) | | | | |
| Nhà xưởng | | | | |
| Vải (DN may mặc) | | | | |
| Tiền ký quỹ trong ngân hàng | | | | |
| Bàn, ghế | | | | |
| Văn phòng phẩm | | | | |
| Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng | | | | |

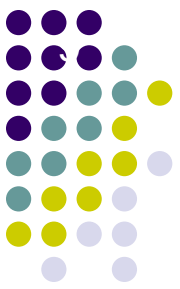
Phân loại đối tượng kế toán vào nhóm đối tượng liên quan

| Đối tượng | Tiền | Phải thu | HTK | Khác |
|---------------------|------|----------|-----|------|
| Phải thu khách hàng | | | | |
| Máy móc, thiết bị | | | | |
| Vàng, bạc, Đá quý | | | | |
| Sản phẩm dở dang | | | | |
| Phải thu khác | | | | |
| Máy tính | | | | |
| Tiền mặt | | | | |

Đặc điểm:

- ❖ HTK gắn liền với hoạt động kinh doanh chủ yếu của đơn vị → Tài sản ngắn hạn quan trọng
- ❖ HTK đa dạng, phong phú về chủng loại, tồn tại dưới nhiều hình thái và địa điểm khác nhau với mục đích khác nhau.
- ❖ Liên quan trực tiếp đến Giá vốn hàng bán và Lợi nhuận.

Hệ thống PP quản lý và kế toán HTK



Phương pháp kế toán HTK

PP Kế khai
thường xuyên

Theo dõi và phản ánh
thường xuyên, liên tục
t/hình NHẬP, XUẤT,
TỒN HTK trên sổ KT

PP Kiểm kê
định kỳ

KKê thực tế
=> Gtrị HTK TỒN
=> Gtrị HTK xuất

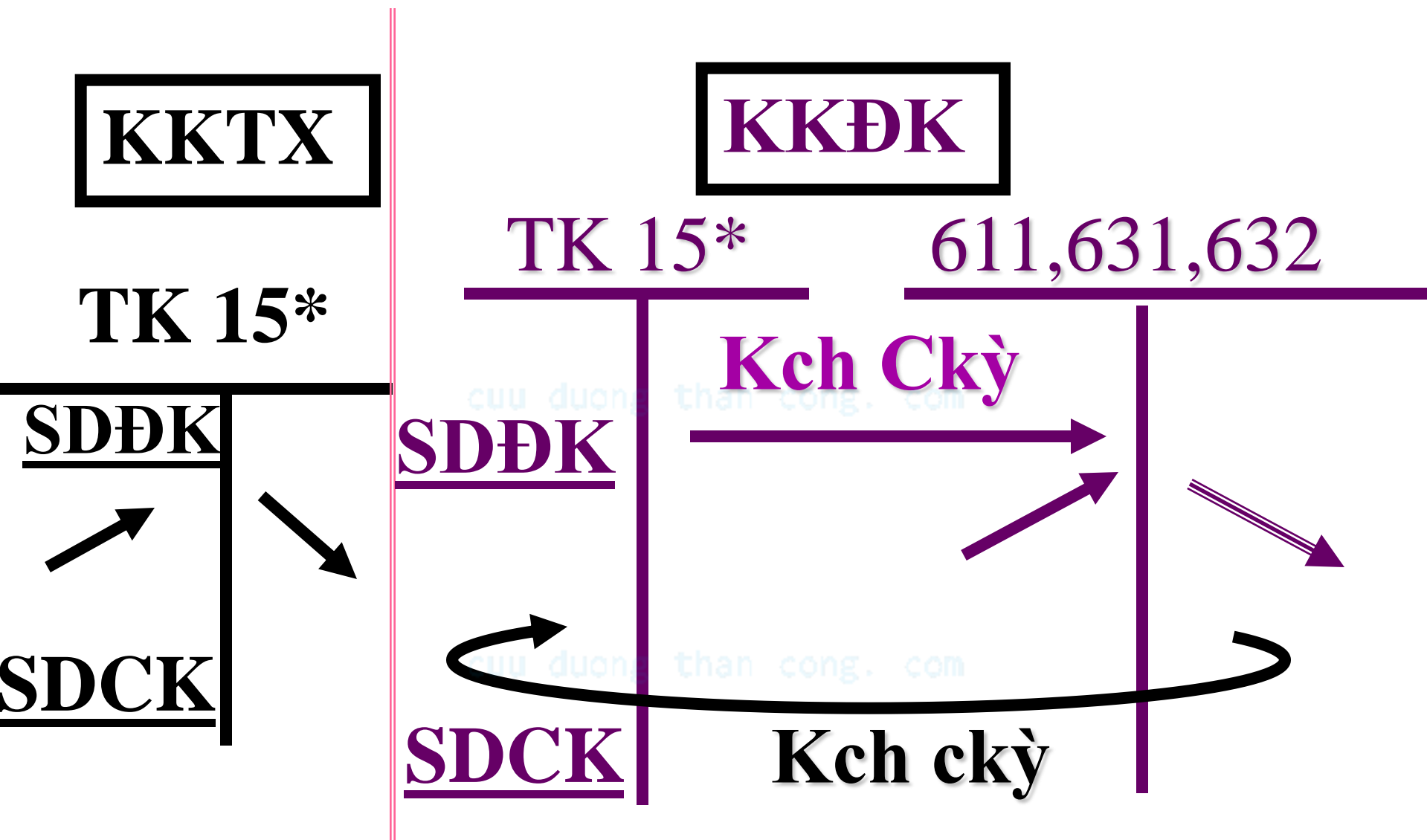
Phương pháp kê khai thường xuyên:

$$\text{Tồn Cuối} = \text{Tồn Đầu} + \text{Nhập} - \text{xuất}$$

Phương pháp kiểm kê định kỳ:

$$\text{Xuất} = \text{Tồn đầu} + \text{Nhập} - \text{Tồn cuối}$$

▪ Hệ thống PP Kế toán & quản lý HTK



TÍNH GIÁ HÀNG TỒN KHO

- ❖ Nguyên tắc kế toán chi phối.
- ❖ Quy định về ghi nhận HTK.
- ❖ PP kế toán HTK
- ❖ Nguyên tắc xác định giá trị
- ❖ PP tính giá trị HTK

Nguyên tắc kế toán:

- ❖ Nguyên tắc Giá gốc
- ❖ Nguyên tắc thận trọng
- ❖ Nguyên tắc nhất quán

Nguyên tắc xác định giá trị HTK



Giá gốc ???

Theo VAS 01:

Giá gốc của tài sản được tính theo số tiền hoặc khoản tương đương tiền đã trả, phải trả hoặc tính theo giá trị hợp lý của TS đó vào thời điểm TS được ghi nhận.

cuu duong than cong. com

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{thuần} \\ \text{có thể} \\ \text{thực} \\ \text{hiện} \\ \text{được} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá bán ước} \\ \text{tính của} \\ \text{hàng tồn} \\ \text{kho trong} \\ \text{kỳ SXKD} \\ \text{bình thường} \end{array} - \begin{array}{l} \text{CP ước} \\ \text{tính để} \\ \text{hoàn} \\ \text{thành sản} \\ \text{phẩm} \end{array} - \begin{array}{l} \text{CP ước} \\ \text{tính cần} \\ \text{thiết cho} \\ \text{việc tiêu} \\ \text{thụ} \end{array}$$

cuu duong than cong. com

Giá gốc

**CP
mua**

**CP
chế biến**

**CP
Liên quan**

**Giá
mua**

**Thuế
không
hàn lại**

**CP v/c,
Bảo quản,
Kiểm dịch,
Bảo hiểm...**

PP tính giá trị Hàng tồn kho (Giá xuất kho)

Lựa chọn một trong các phương pháp sau:

- ❖ PP tính giá thực tế đích danh.
- ❖ PP nhập trước _ xuất trước (NT_XT).
- ❖ PP nhập sau _ xuất trước (NS_XT).
- ❖ PP bình quân gia quyền.

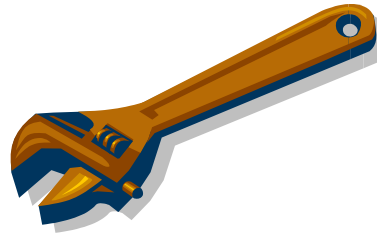
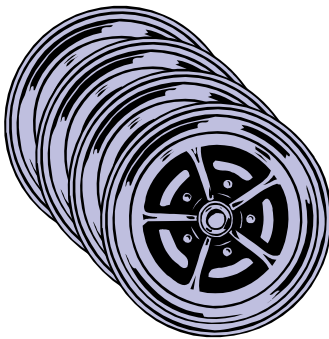
Ví dụ: Tại DN X, trong tháng 9/2007 có tình hình nhập xuất VL A như sau:

| Ngày | TỜN, NHẬP | | | Xuất VL A trong tháng 9 | | | | | |
|------|-----------------------------|------|------------|-------------------------|-------------------------------------------------|---------|---------|------|------|
| | SL | ĐG | Thành tiền | SL | Giá thực tế VL A xuất, tồn cuối kỳ theo từng PP | | | | |
| | | | | | Đích danh | BQGQL H | BQGQC K | FIFO | LIFO |
| 1 | 200 | 10 | 2000 | | | | | | |
| 3 | 150 | 12 | 1800 | | | | | | |
| 10 | | | | 300 | ? | ? | ? | ? | ? |
| 12 | 250 | 12.5 | 3125 | | | | | | |
| 20 | | | | 100 | ? | ? | ? | ? | ? |
| 25 | 300 | 11 | 3300 | | | | | | |
| Cộng | ? | | ? | ? | ? | ? | ? | ? | ? |
| 30 | Tồn kho cuối kỳ theo các PP | | | | ? | ? | ? | ? | ? |

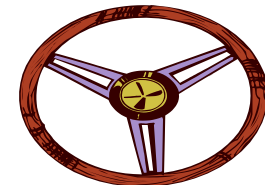
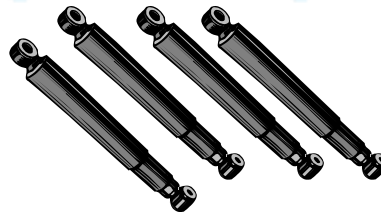
Kế toán khâu dự trữ sản xuất:

- ❖ Kế toán nguyên liệu _ vật liệu
- ❖ Kế toán công cụ _ dụng cụ

cuu duong than cong. com



cuu duong than cong. com



Vật liệu:

- Là đối tượng lao động được sử dụng kết hợp với tư liệu lao động dưới tác động của sức lao động để tạo ra sản phẩm

Công cụ dụng cụ:

- Là những tư liệu lao động không có đủ tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với TSCĐ.

TH mua hàng nhập kho bình thường:

112, 141, 331...

152, 153

Giá mua chưa VAT

cuu duong than cong. com

CP thu mua

cuu duong than cong. com

VAT đầu vào

133

**Mua chịu VL X theo HĐ số ...: giá mua chưa thuế 90
trđ, VAT 10%, nhập kho đủ theo PNK số ...**

PHIẾU NHẬP KHO

Số ...

| S T T | Tên... | MS | Đvt | Số lượng | | Đơn giá | Thành tiền |
|-------------|-------------|----|-----|-------------|--------------|---------|------------|
| | | | | Theo ctừ | Thực nhập | | |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3 | 4 |
| 1 | VL X | | | | | 90 | 90 |
| | Cộng | | | | | | 90 |

PNK

Trị giá thực nhập: **90**

Hóa đơn

Giá mua: **90**

Thuế: **9**

Giá thanh toán: **99**

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

| Chứng từ | | Diễn giải | SHTK | SPS | |
|----------|------|--------------------|------|-----|----|
| Số | Ngày | | | Nợ | Có |
| | | Mua VL nhập kho | | | |
| | | TK NVL | 152 | | |
| | | Thuế đầu vào | 133 | | |
| | | Phải trả người bán | 331 | | |

152

621

111,112,331...

133

627,641,642

3381

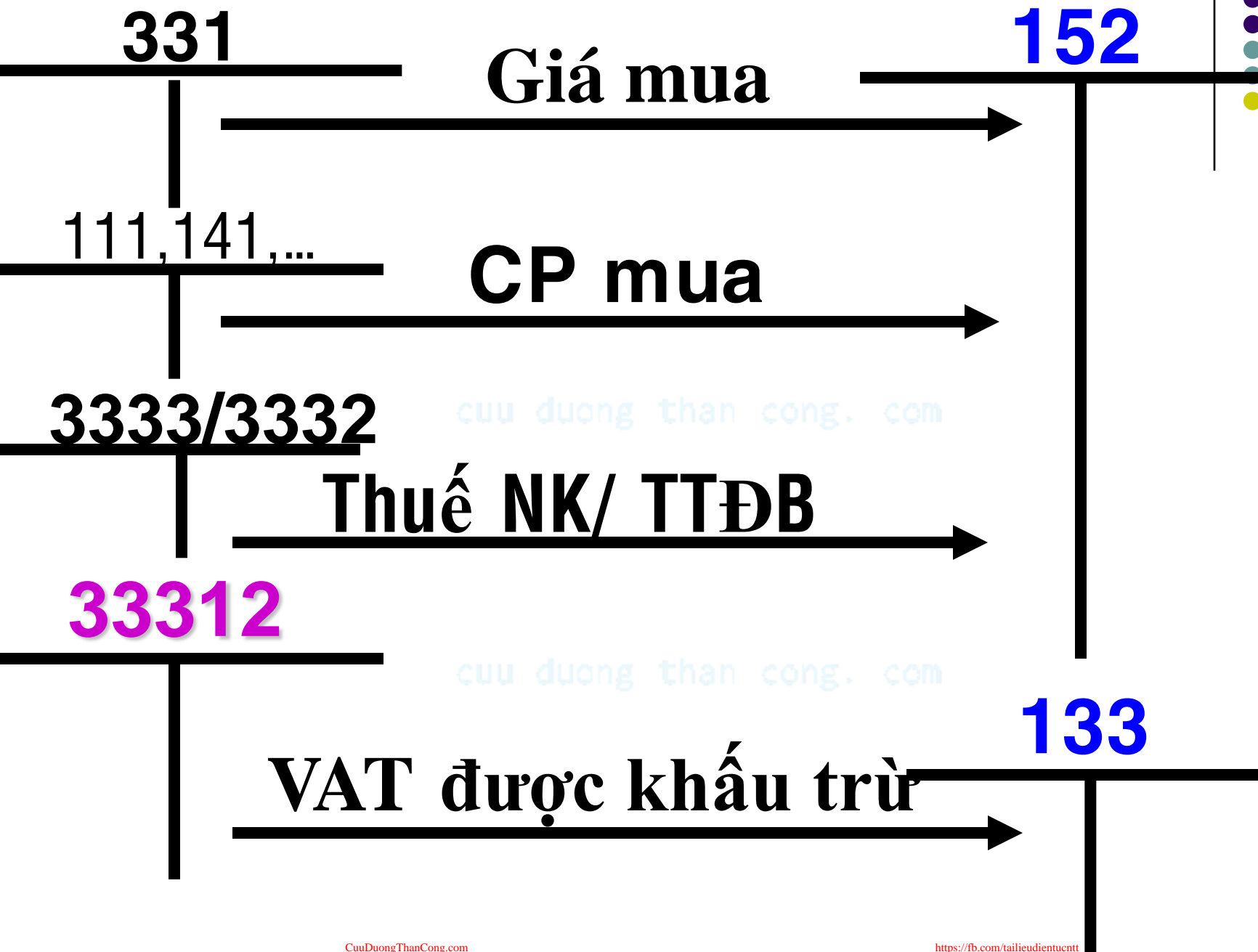
154

1381

- **Ví dụ 1: Mua vật liệu:**

Mua 1000kg vật liệu A (PThức nhận hàng trực tiếp), giá mua chưa thuế 100.000đ/kg, thuế suất GTGT 10%, tiền chưa trả người bán. Chi phí vận chuyển bốc dỡ 2.200.000đ trả bằng tiền mặt, trong đó thuế GTGT 200.000đ

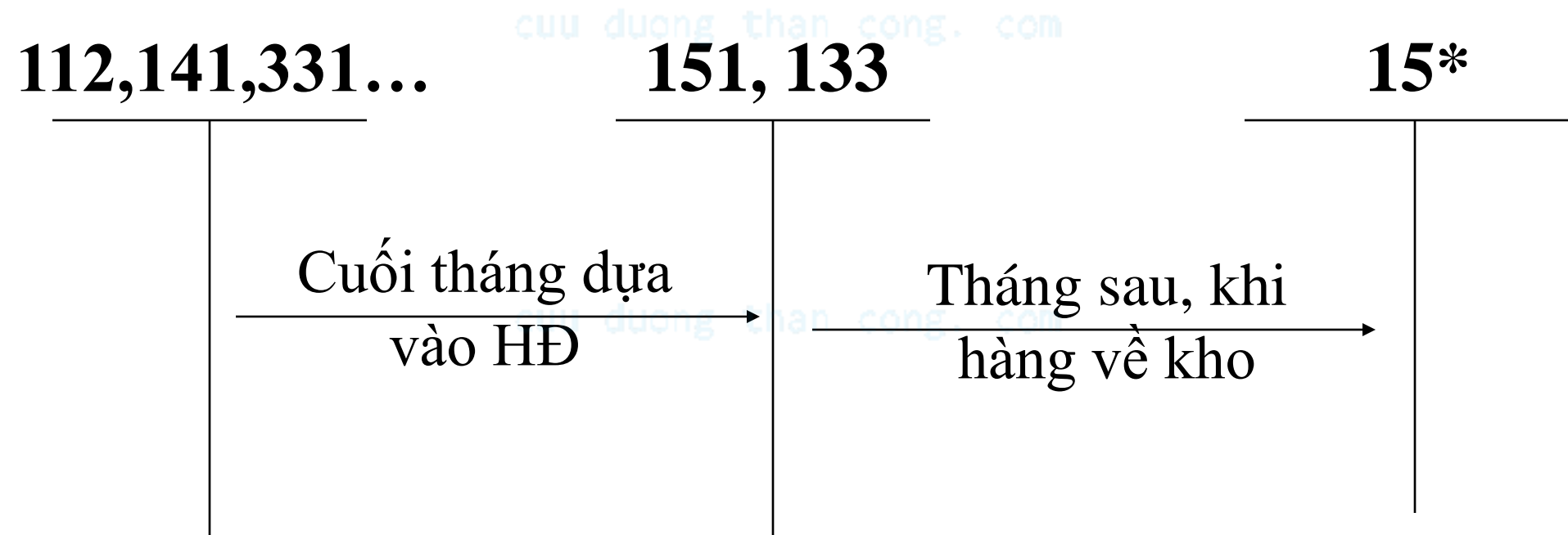
NHẬP KHẨU NGUYÊN VẬT LIỆU



TH hàng mua đang đi đường:

Trong tháng chỉ mới nhận được hóa đơn → lưu HĐ

Đến cuối tháng vật tư chưa về hoặc đã về đến DN nhưng đang chờ kiểm nhận → 151



Ghi chú:

- ❖ Các khoản chiết khấu thương mại (phần ngoài Hóa đơn), và giảm giá hàng mua được trừ khỏi giá gốc.
- ❖ CP bảo quản HTK không được tính vào Giá gốc trừ trường hợp CP bảo quản này cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo.

cuu duong than cong. com

Chiết khấu thương mại:

- ❖ Là khoản tiền bên bán giảm giá niêm yết cho Doanh nghiệp do mua hàng nhiều lần và đạt được mức nhất định để được hưởng chiết khấu.

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

Ví dụ 2:

Ngày 5: Mua một lô vật liệu, giá mua chưa thuế 7 trđ, VAT 10%, chưa trả tiền

Ngày 7: Chi tiền mặt trả chi phí vận chuyển lô vật liệu trên 100.000 đ

Vật liệu nhập kho đủ.

Vài ngày sau, DN thấy một số vật liệu kém phẩm chất, đơn vị yêu cầu giảm giá. Bên bán đồng ý giảm 10% giá trị lô hàng, có giảm thuế.

★ Kế toán thuê ngoài gia công



TH nhập kho có phát sinh thiếu:

Bên bán

Chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa ?

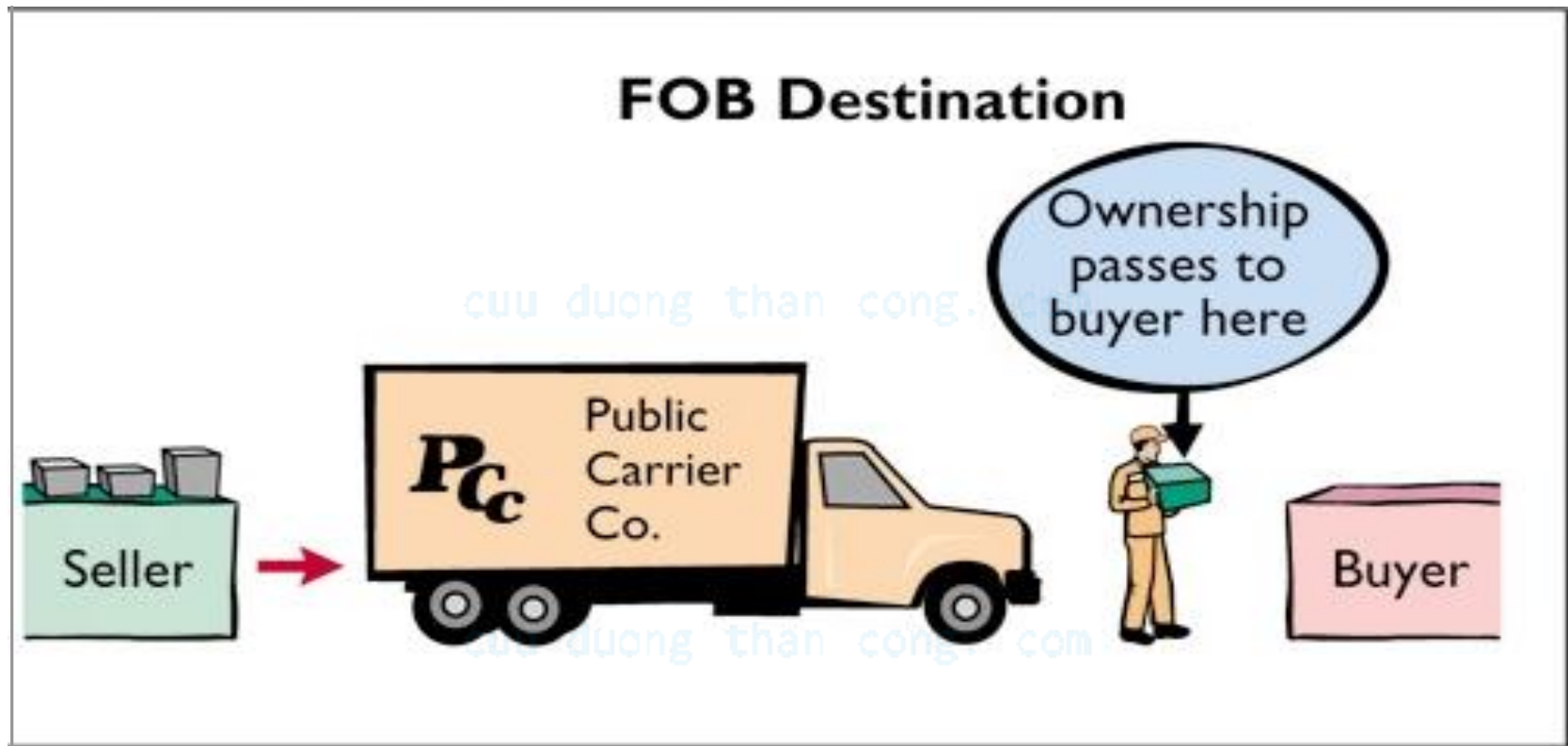
(lợi ích và rủi ro)

Bên mua

Trách nhiệm ?



TH hàng thiếu thuộc trách nhiệm bên bán:

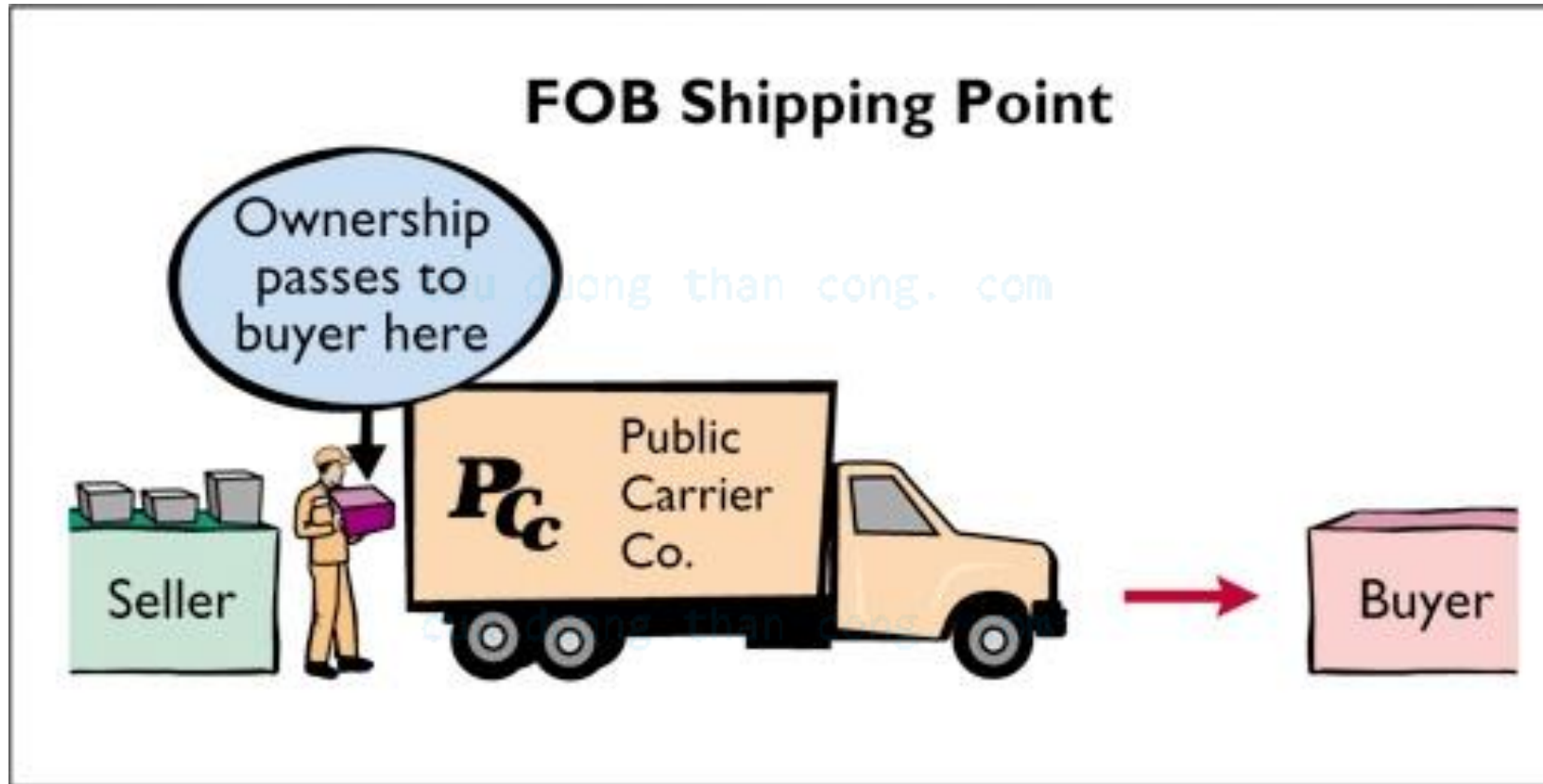


Ví dụ 3:

DN ký HĐ mua vật liệu của công ty ABC theo phương thức chuyển hàng, trị giá chưa thuế GTGT là 100.000.000đ, VAT 10%. Hàng do công ty ABC chuyển đến thiếu 10%, DN nhập kho và chấp nhận thanh toán theo số thực nhận.

| | |
|------------------------|----------|
| Trị giá hàng thực mua: | 90 |
| Thuế GTGT : | <u>9</u> |
| Tổng giá thanh toán : | 99 |

TH hàng thiếu thuộc về trách nhiệm bên mua:



112,141,331...

15*

Giá trị hàng thực nhập

133

Thuế đầu vào (HĐ)

1381

Giá trị hàng thiếu

Xử lý hàng thiếu:

1381

15*

Hao hụt trong định mức

632

DN chịu

Hao hụt
ngoài ĐM

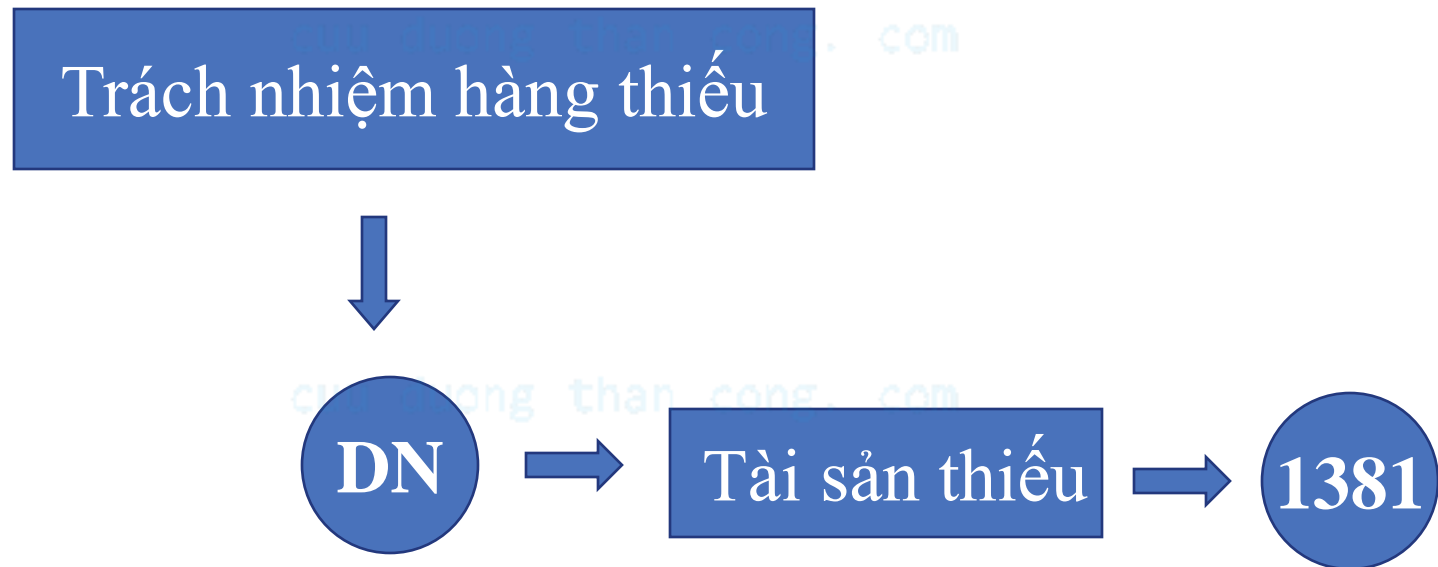
1388

Bất bồi
thường

111, 334...

Ví dụ 4:

Giả sử lô vật liệu trên đã mua của công ty ABC là theo phương thức nhận hàng, khi hàng về kiểm nghiệm trước khi nhập kho thì mới phát hiện thiếu.



PNK
Trị giá thực nhập:

90

Hóa đơn
Giá mua:
Thuế:
Giá thanh toán:

100
10
110

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

| Chứng từ | | Diễn giải | SHTK | SPS | |
|----------|------|-------------------------|------|-----|----|
| Số | Ngày | | | Nợ | Có |
| | | Mua VL nhập kho | | | |
| | | TK NVL | 152 | | |
| | | TK tài sản thiếu chờ XL | 138 | | |
| | | Thuế đầu vào | 133 | | |
| | | Phải trả người bán | 331 | | |

- **Ví dụ 5:Mua VL có phát sinh thừa, thiếu:**

Mua 1000kg vật liệu A (PThức nhận hàng trực tiếp), giá mua chưa thuế 100.000đ/kg, thuế suất GTGT 10%, tiền chưa trả người bán. Khi nhập kho VL thấy thiếu 5kg chưa rõ nguyên nhân.

Ví dụ 6:

Ngày 11: Đơn vị mua vật liệu theo phương thức nhận hàng trực tiếp tại kho công ty A với giá trị chưa thuế theo hóa đơn: $500 \times 9.500 \text{ đ/đv}$, VAT 10%, chưa trả tiền.

Ngày 13: Vật liệu về kiểm nhận nhập kho với sản lượng trên phiếu nhập kho 450 đơn vị. Chi phí vận chuyển 200.000đ chi bằng tiền mặt

Ngày 19: Công ty B chuyển đến kho DN một lô vật liệu với trị giá chưa thuế $800 \text{ đv} \times 9.650 \text{ đ/đv}$, VAT 10%. Hàng nhập kho phát hiện thiếu 100 đv, DN nhập theo số thực nhận, thanh toán ngay bằng tiền mặt.

Ngày 20: Chuyển khoản thanh toán cho công ty A.

Ví dụ 7:

Ngày 01/06: Mua VLA theo phương thức nhận hàng trực tiếp, đã chấp nhận thanh toán theo hóa đơn.

(HĐ: giá chưa thuế 100 trđ, VAT 10%). Sau khi kiểm nghiệm phát hiện thiếu. DN nhập theo số vật liệu thực nhận trị giá 90 trđ.

Ngày 05/06: Quyết định xử lý như sau:

- Bắt áp tải bồi thường 50%.
- Phần còn lại DN chịu.

Trường hợp vật tư thừa:

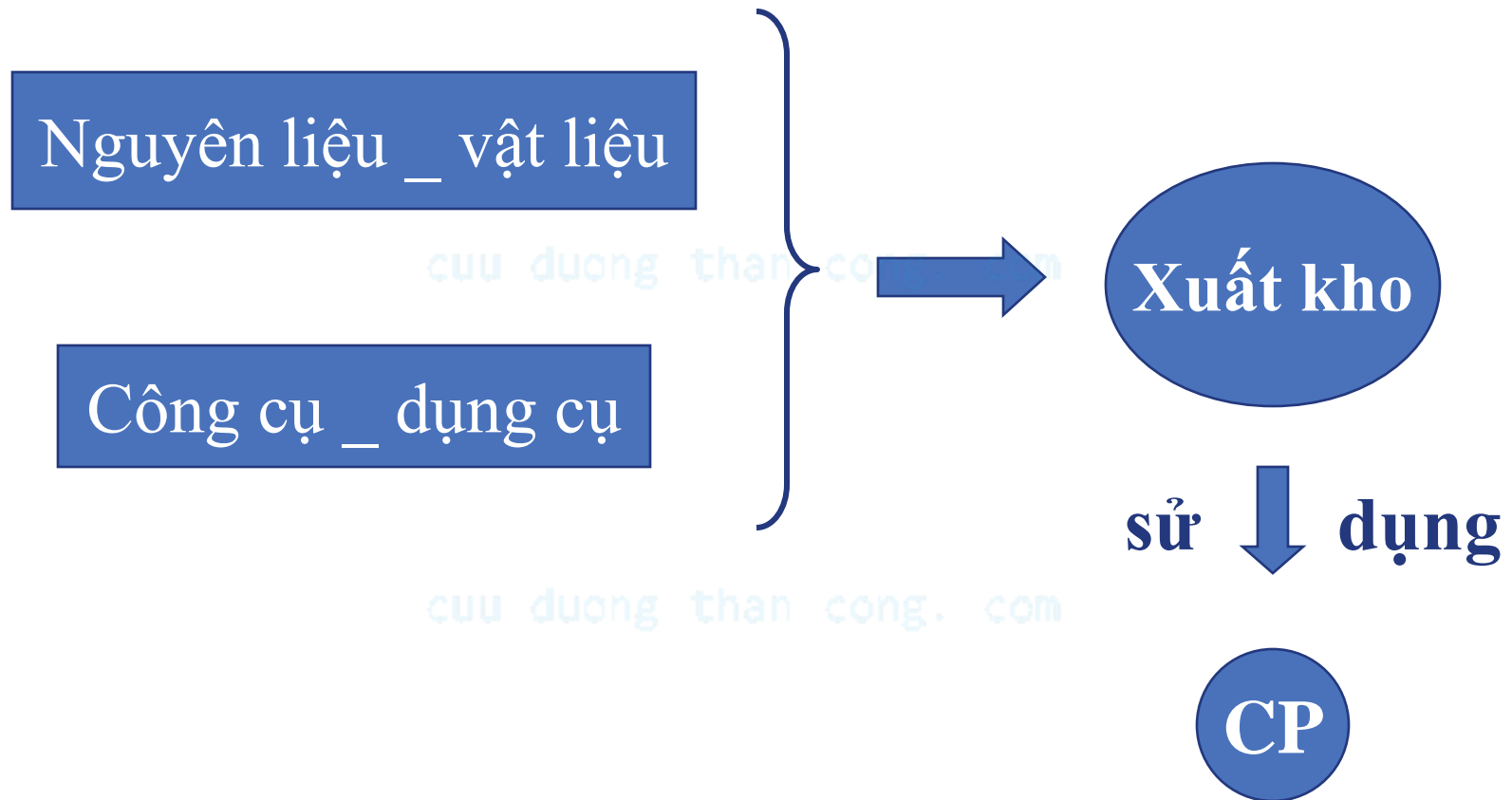
- Thừa chưa rõ nguyên nhân, cho nhập kho:

Nợ TK 15* / Có TK 3381

- Thừa do bên bán giao nhầm:

| Nếu DN chấp nhận mua thêm | Nếu DN không chấp nhận mua thêm |
|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>Nợ 15* : giá trị vật tư thừa</p> <p>Nợ 133 : Có 331</p> | <p>Nhận giữ hộ:</p> <p>Nợ 002: giá trị vật tư thừa</p> <p>Khi trả lại : Có 002: giá trị vật tư thừa</p> |

Các trường hợp giảm vật tư:



Ví dụ 8:

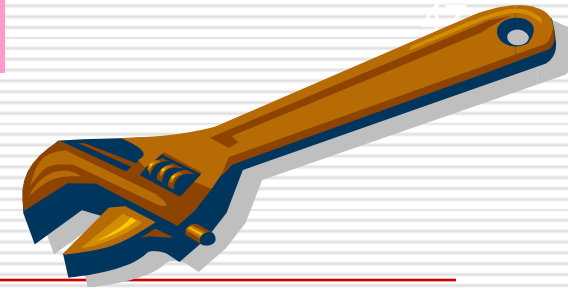
Báo cáo tình hình xuất vật liệu X như sau:

- Để sản xuất sản phẩm M: 120.000.000 → 621 (M)
- Để sản xuất sản phẩm N : 150.000.000 → 621 (N)
- Xuất phục vụ BP bán hàng: 10.000.000 → 641

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

Kế toán công cụ dụng cụ



➤ Phân loại CCDC:

- Theo đặc điểm của CCDC
- Theo tình hình sử dụng
- Theo tính chất phân bổ giá trị CCDC
 - ✓ Loại phân bổ 1 lần (phân bổ 100% giá trị)
 - ✓ Loại phân bổ nhiều lần (phân bổ dần giá trị)

Nhập CCDC (tương tự NVL)

Kế toán công cụ dụng cụ

Xuất CCDC ra sử dụng

Công cụ thuộc loại phân bổ 1 lần:



Công cụ thuộc loại phân bổ nhiều lần:

153/331,...

142/242

627,641,642

GTT CC

DC loại
phân bổ
dần (1)

(2) Ph/bổ
từng kỳ KT

(3) Ph/bổ
lần cuối

CP kỳ
cuối

152,1388

PL, bồi thường

Công cụ thuộc loại phân bổ nhiều lần

$$\text{Mức phân bổ từng kỳ} = \frac{\text{Tổng giá trị CCDC xuất dùng}}{\text{Số kỳ dự kiến phân bổ}}$$

Mức phân bổ lần cuối cùng =

Giá trị còn lại của công cụ chờ phân bổ

–

GT Phế liệu thu hồi (nếu có)

–

Khoản bắt bồi thường (nếu có)

Ví dụ 9:

Xuất công cụ cho px I trị giá 500.000 đ, phân bổ 1 lần.



cuu duong than cong. com

Ví dụ 10:

Xuất kho công cụ cho cửa hàng giới thiệu sản phẩm trị giá 240.000.000đ, thời gian phân bổ 2 năm, bắt đầu từ tháng này.

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com

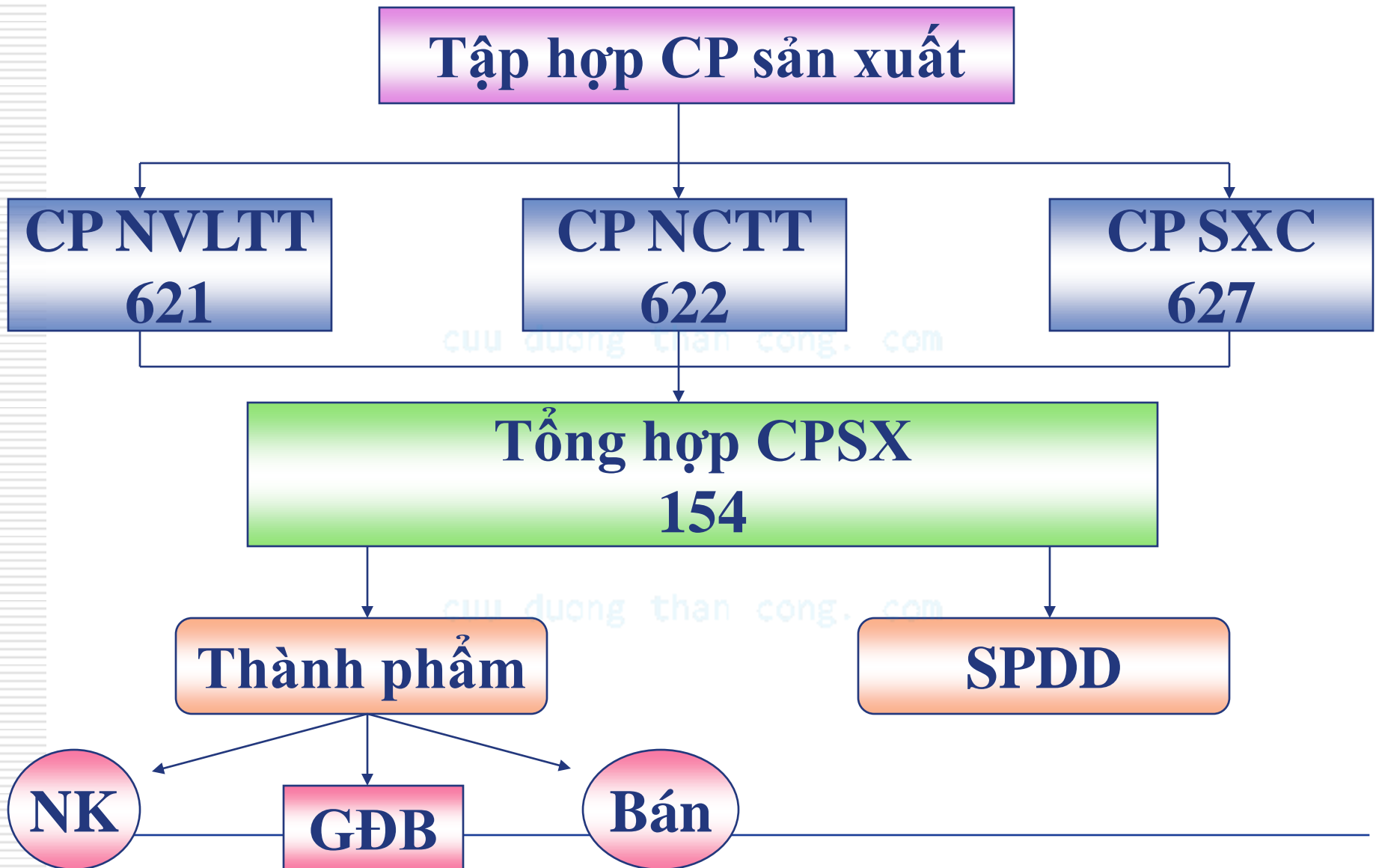
Ví dụ 11

Ngày 01: Xuất kho 1 số công cụ cho bộ phận sản xuất thuộc loại phân bổ 1 lần, trị giá 2.000.000đ

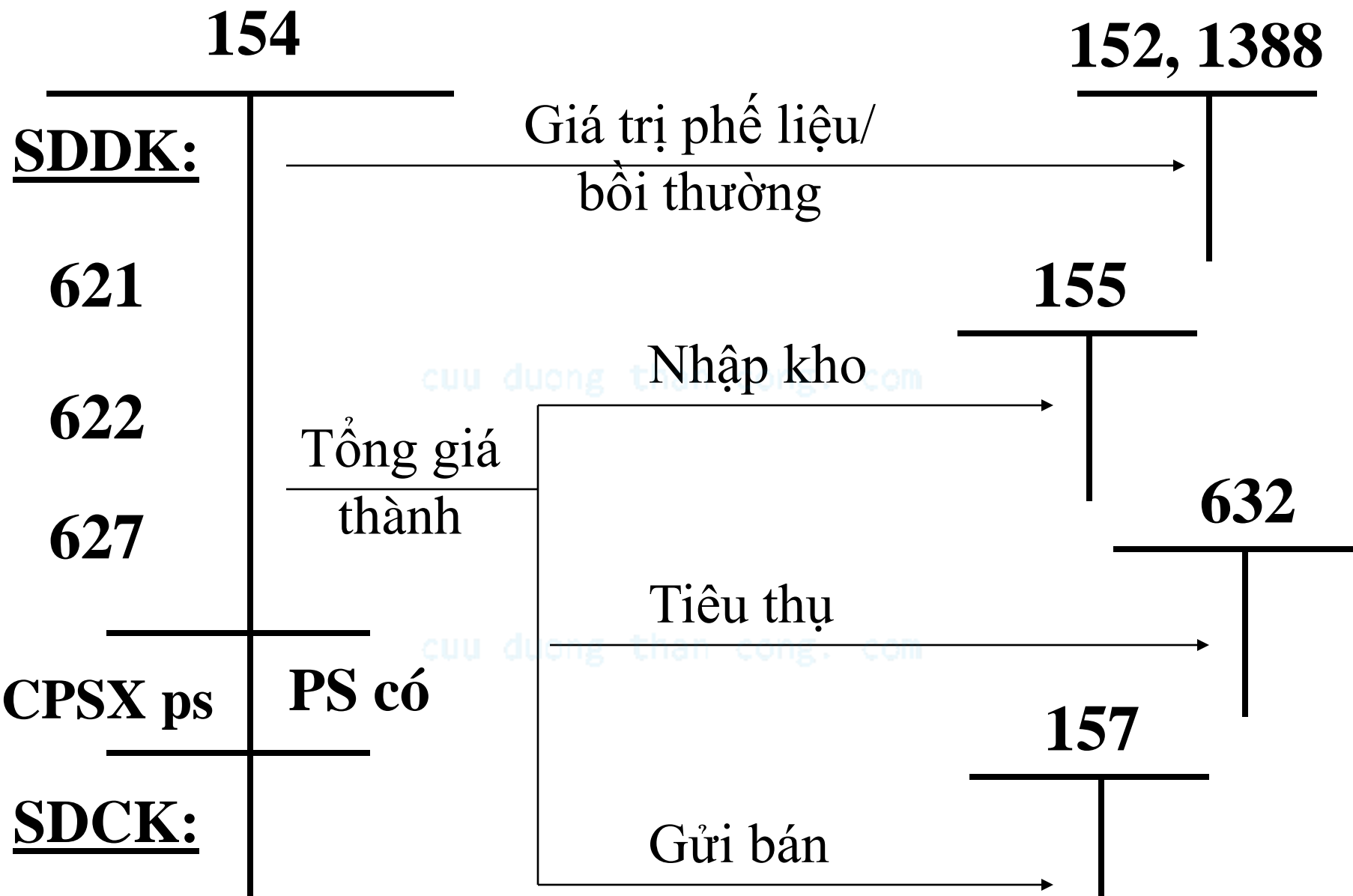
Ngày 05: Chi tiền mặt mua đồ dùng quản lý ở phân xưởng 10.500.000đ (gồm thuế 5%), sử dụng ngay.
Kế toán phân bổ 10 tháng

Ngày 10: Bộ phận sản xuất báo hỏng một số công cụ thuộc loại phân bổ 2 lần, giá trị công cụ xuất kho 500.000đ, phế liệu thu hồi nhập kho 50.000đ.

Kế toán khâu sản xuất:



♦KT TH CPSX & tính giá thành SP (KKTX)



HTK để bán

Thành phẩm

Hàng hoá

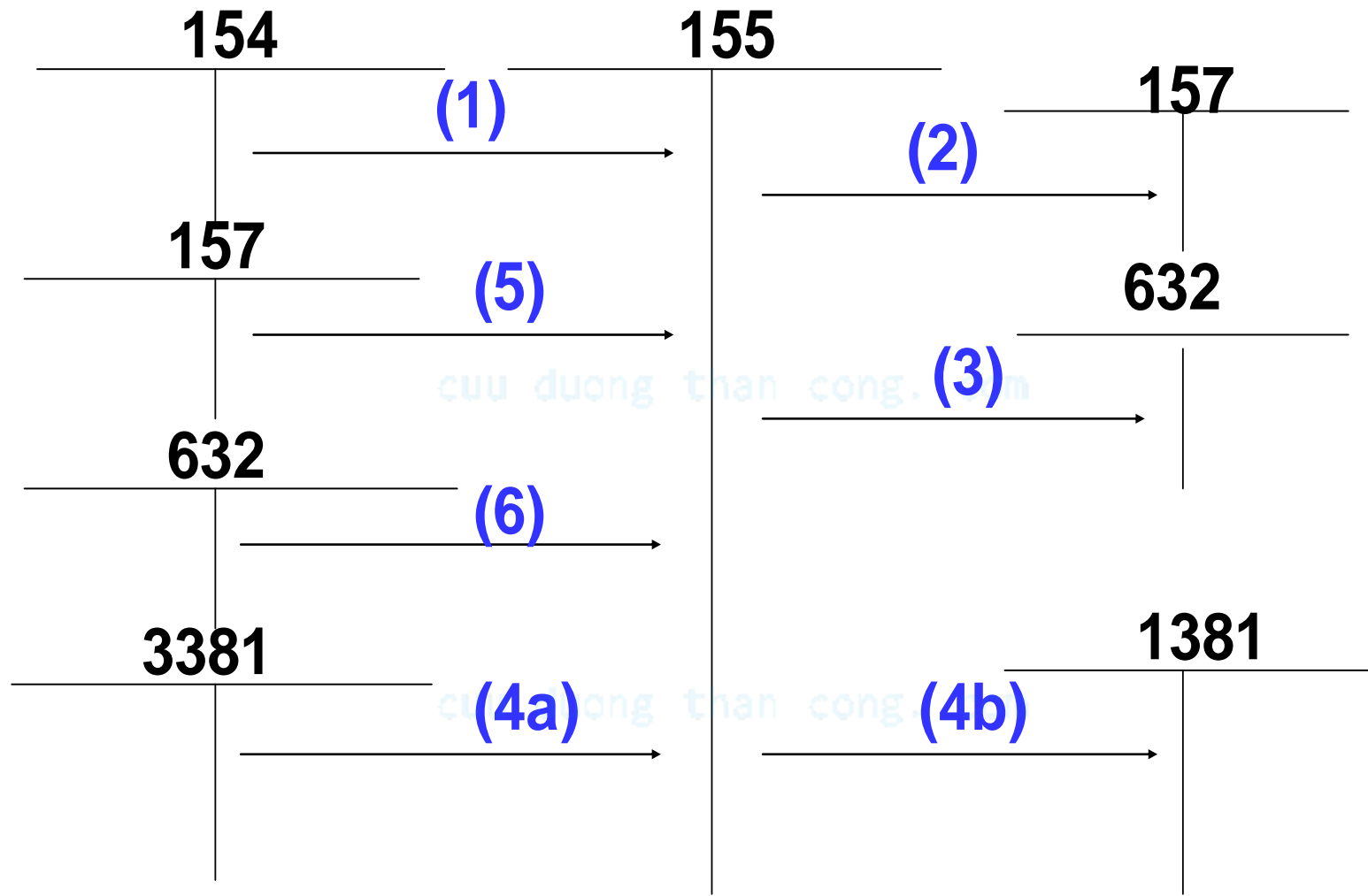


❑ Kế toán thành phẩm

Thành phẩm là những SP đã hoàn thành, đã trải qua tất cả các đoạn chế biến cần thiết theo quy trình công nghệ chế tạo SP của mỗi DN, đã được kiểm nghiệm phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng kỹ thuật quy định, từ đó có thể nhập kho để chuẩn bị bán ra hay giao ngay cho khách hàng.



❑ Kế toán thành phẩm theo PP KKTX



Kế toán hàng hóa:



Hàng hóa

- Là sản phẩm lao động được DN mua về với mục đích để bán.

**Trạng thái
tồn tại**

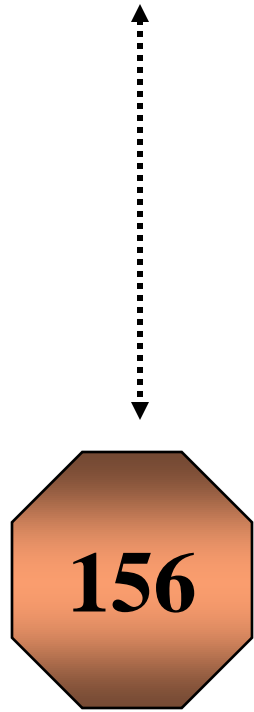
Hàng tồn kho

Hàng mua đang đi đường

Hàng gửi đi bán

Hàng gửi gia công chế biến

Hàng hóa



1561

**Giá mua
hàng hóa**

1562

CP thu mua

Là CP liên quan trực tiếp đến qt thu mua hàng hóa tính đến khi hàng hóa nhập kho

KT tăng, giảm hàng hóa (PP KKTX)

Tk 1561- Giá mua HH

SDĐK

SDCK

Tk 1562- CP thu mua HH

SDĐK

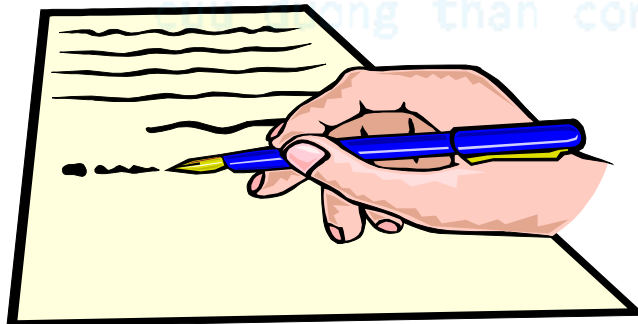
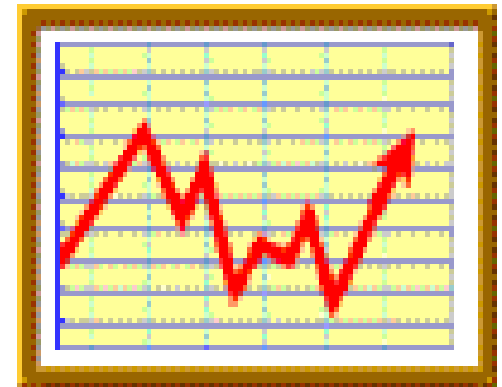
SDCK

Phân bổ
CPTM cho
hàng bán
ra

❑ Kế toán dự phòng giảm giá HTK

DPPGG HTK là dự phòng phần giá trị bị tổn thất do vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho bị giảm giá.

- Mục đích
- Thời gian lập
- Nguyên tắc lập DP



Thời điểm lập:

Cuối kỳ kế toán, trước
khi lập BCTC năm

Mức lập

=

**Giá gốc
HTK**

-

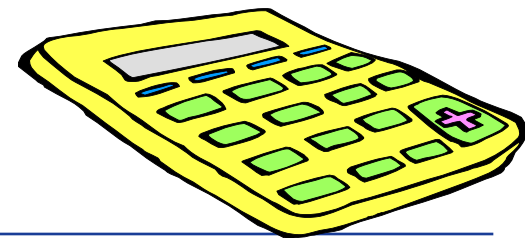
**Giá trị thuần
có thể
thực hiện được**

Chênh lệch hoàn nhập DP

TK 159

TK 632

Clêch lập DP GGHTK



Trình bày thông tin trên BCTC

Giá trị thuần có thể thực hiện được



Bảng Cân Đối Kế Toán

Cung cấp thông tin gì cho người sd ?



Thông tin về HTK trên BCTC



TK 151

TK 152

TK 153

TK 154

TK 155

TK 156

TK 157

TK 159

HTK

DPGGHTK

BCĐKT

Hàng đã bán => **TK 632**

BCKQHĐKD

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| TÀI SẢN | MS | Số Cuối năm | Số đầu năm |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|-------------|------------|
| 1 | 2 | 4 | 5 |
| A – TS NGẮN HẠN IV. Hàng tồn kho 1. Hàng tồn kho 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | | |

Giá trị thuần
có thể thực hiện được

Số Cái

Giá trị hàng tồn kho vào thời điểm cuối kỳ của DN

(151, 152, 153, 154, 155, 156, 157)